TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20-01-2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim Phước

Ông Thạch Hoàng Tha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 432/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị P, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp V, xã C, thành phố Cần Thơ; CCCD: 094182022781; Ngày cấp: 04/10/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Trường G, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp V, xã C, thành phố Cần Thơ; CCCD: 094077014637; Ngày cấp: 12/6/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2025, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị P trình bày:

Vào năm 2018, bà Lâm Thị P và ông Lâm Trường G tự nguyện chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông G đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian chung sống bà P và ông G có 02 (hai) người con chung là cháu Lâm Thị Mộng T, sinh ngày 25/6/1999 và cháu Lâm Trường V, sinh ngày 24/7/2005. Về tài sản không có. Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bà Lâm Thị P yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ giải quyết: Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Lâm Trường G. Về con chung: Hiện các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lâm Trường G trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống. Ông và bà Lâm Thị P có 02 (hai) người con chung là cháu Lâm Thị Mộng T, sinh ngày 25/6/1999 và cháu Lâm Trường V, sinh ngày 24/7/2005. Về tài sản chung ông và bà P không có tạo lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với yêu cầu ly hôn của bà P, ông thống nhất. Về con chung: Hiện các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Nguyên đơn bà Lâm Thị P và bị đơn ông Lâm Trường G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 238 xét xử vắng mặt bà P và ông G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, từ năm 2018 bà P và ông G tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung sống giữa bà P và ông G do không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và

gia đình thì mối quan hệ giữa bà P và ông G không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị P và ông Lâm Trường G.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Lâm Thị P và ông Lâm Trường G có 02 (hai) người con chung là cháu Lâm Thị Mộng T, sinh ngày 25/6/1999 và cháu Lâm Trường V, sinh ngày 24/7/2005. Hiện các cháu đã thành niên, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Lâm Thị P và ông Lâm Trường G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Lâm Thị P và ông Lâm Trường G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lâm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông Lâm Trường G không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị P và ông Lâm Trường G.

2/ Về con chung: Hiện hai cháu Lâm Thị Mộng T, sinh ngày 25/6/1999 và cháu Lâm Trường V, sinh ngày 24/7/2005 đã thành niên. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Lâm Thị P và ông Lâm Trường G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Lâm Thị P và ông Lâm Trường G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị P có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008547 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà P đã nộp xong án phí. Ông Lâm Trường G không phải chịu án phí.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà